

Bản án số: 53/2025/HS-PT
Ngày: 31-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ;

Bà Trần Thị Thắm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 277/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: số B, đường N, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Mạc Thị T1; bị cáo có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 8 năm 2023 đến ngày 29 tháng 8 năm 2023 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo; 01 bị hại; 06 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Q có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng tại căn hộ A, khu nhà ở an sinh xã hội H - B từ tháng 6/2022. Đến đầu tháng 7/2023, giữa bà Q và T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bà Q phải dọn ra ở riêng và được Giáp Thị Thùy T2 giới thiệu đến thuê phòng trọ tại khu nhà trọ Trần Văn N tại khu phố P, phường H, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, trong thời gian này T vẫn thường xuyên tìm đến phòng trọ của bà Q để gây chuyện nên ngày 09/8/2023 bà Q dọn đến căn hộ A, khu nhà ở an sinh xã hội H - Becamex do T2 giới thiệu để sinh sống và tránh mặt T.

Trong thời gian bà Phạm Thị Q sinh sống tại khu nhà trọ Trần Văn N, Giáp Thị Thùy T2 nghi ngờ chồng của T2 là ông Bùi Hữu L có tình cảm với bà Q nên vào buổi sáng ngày 10/8/2023, T2 hỏi thì ông L đã thừa nhận việc ngoại tình và nhiều lần đi vào nhà nghỉ với bà Q. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/8/2023, T2 điện thoại kêu Nguyễn Văn T đến quán cà phê gần ngã ba P, phường H, thị xã (nay là thành phố) Bến C, tỉnh Bình Dương để nói cho T biết việc bà Q ngoại tình với chồng của T2 và cho T nghe đoạn ghi âm giữa T2 với ông L; đồng thời, T2 nói cho T biết ý định sẽ tìm đánh bà Q thì T nói đó là chuyện riêng giữa T2 với bà Q nên T2 tự giải quyết rồi cả hai ra về.

Khoảng 17 giờ ngày 10/8/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant, màu đen - bạc, biển số 34R1-11xx chạy đến quán cà phê dưới dãy nhà A khu nhà ở an sinh xã hội H - Becamex rồi điện thoại kêu T2 chạy đến để dẫn T đi lên căn hộ của bà Q. Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ - đen, biển số 59K1-140.xx đi đến gặp T. Tại đây, T2 nói cho T biết có mang theo 01 (một) cây kéo bỏ trong túi áo khoác để nhằm mục đích cắt tóc bà Q để dần mặt. Sau đó, T2 và T gửi xe ở quán cà phê rồi đi bộ từ cầu thang giữa của dãy nhà A6 lên căn hộ A để tìm bà Q nhưng do bà Q chưa về nên cả hai đứng chờ ở hành lang.

Đến khoảng 18 giờ ngày 10/8/2023, bà Phạm Thị Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển số 61X2-02xx chạy về đến dãy nhà A6 và để xe ở khu vực chân cầu thang giữa của dãy nhà A6 bên cạnh căn hộ 112A đồng thời là tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Ngọc A và nhờ ông A cho gửi tạm xe ở đây. Bà Q đi lên căn hộ A thì gặp Giáp Thị Thùy T2 đang đứng ở hành lang và T2 đi lại giả vờ nói với bà Q là cho T2 vào nhà để hai chị em nấu cơm ăn chung, bà Q đồng ý và đi đến định mở cửa căn hộ A6-323 thì bất ngờ nhìn thấy Nguyễn Văn T. Do không muốn gặp T, bà Q quay người bỏ đi thì bị T2 kéo lại rồi lớn tiếng chửi mắng bà Q về việc ngoại tình với chồng của T2 nhưng bà Q không thừa nhận. Cùng lúc này, T dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 quay lại cảnh bà Q và T2

cãi nhau. Sau đó, T dùng tay lục soát túi áo khoác của bà Q và lấy xâu chìa khóa đưa cho T2 nhằm mục đích mở cửa căn hộ A6-323 để cả ba vào trong nói chuyện nhưng T2 không mở được. Lúc này, bà Q quay người định bỏ đi thì bị T2 kéo lại rồi một tay nắm tóc, tay còn lại tát vào mặt của bà Q khoảng 2, 3 cái, đồng thời lớn tiếng chửi mắng bà Q; bà Q chống cự dùng chân đạp trúng vào người của T2 làm rơi xâu chìa khóa xuống hành lang. Thấy T2 bị đánh, T đi đến đẩy bà Q áp sát vào tường rồi xô bà Q ngã xuống đất làm cho túi xách da màu hồng bà Q đang đeo trên người cũng bị rơi xuống hàng lang; T tiếp tục không chế rồi ngồi đè lên người của bà Q. Do nghe có tiếng ồn ào nên một số người dân sống trong khu nhà ở xã hội gần đó chạy ra nhìn; còn T2 thì lấy 01 (một) cây kéo từ trong túi áo khoác ra chạy đến cắt tóc của bà Q và bỏ rơi vãi xuống hành lang. Trong lúc giằng co, bà Q bị cây kéo đâm trượt vào mu bàn tay phải chảy máu. Sau khi cắt tóc bà Q, T2 bỏ cây kéo vào lại trong túi áo khoác rồi lớn tiếng chửi bà Q về việc ngoại tình với chồng của T2 cho mọi người xung quanh nghe; còn T thì vừa không chế vừa dùng tay tát liên tiếp vào mặt của bà Q nói: “Mày đuổi không cho tao vào phòng trọ để mày đi ngủ với thằng khác”. Bà Q chống cự và kêu cứu nhưng không ai dám đến can ngăn mà chỉ điện báo cho ban điều hành dãy nhà A6. Tiếp đó, T dùng tay móc hai bên túi áo khoác của bà Q để tìm điện thoại di động nhưng không thấy mà chỉ có 01 khẩu trang y tế màu trắng. Trong lúc T móc túi áo khoác của bà Q đã làm rơi số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) xuống hành lang. Thấy tiền của bà Q rơi ra ngoài, T2 đi đến nhặt lấy rồi bỏ đi về hướng cầu thang giữa để xuống tầng trệt, đến quán cà phê và lấy xe mô tô chạy đi về trước. Lúc này, người dân ở gần căn hộ của bà Q truy hô: “Có dân quân đến?” thì T buông bà Q ra; bà Q đứng dậy chạy đi về hướng cầu thang giữa; còn T cũng đứng dậy nhặt lấy túi xách màu hồng và xâu chìa khóa của bà Q dưới hành lang rồi bỏ đi về hướng cầu thang đầu dãy nhà A6 xuống tầng trệt, đến quán cà phê và lấy xe mô tô bỏ đi. Sau đó, T chạy xe mô tô biển số 34R1-11xx đến khu vực công viên Thành phố M rồi ngồi nghỉ trên một ghế đá và lấy túi xách da màu hồng của bà Q ra để lục tìm điện thoại di động nhưng vẫn không thấy mà chỉ có một số giấy tờ tùy thân và bộ hồ sơ xin việc của bà Q cùng với 01 (một) Giấy biên nhận sửa chữa, bảo hành điện thoại di động. T cầm Giấy biên nhận chạy đến cửa hàng P1 - Đồ công nghệ H, địa chỉ trên đường D, Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và gặp anh Trần Danh Q1 để hỏi lấy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13, màu đen của bà Q gửi sửa tại đây nhưng do chưa sửa xong nên anh Q1 hẹn T khoảng 20 phút sau trở lại; T đồng ý và cho anh Quân S điện thoại của T để liên hệ.

Sau đó, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 34R1-11xx chạy về để ở dãy nhà A2 khu nhà ở an sinh xã hội H - Becamex rồi đi bộ qua dãy nhà A6 đến chỗ bà Phạm Thị Q để xe mô tô biển số 61X2-2065 và nói với ông Nguyễn Ngọc

A: “Nhỏ nầy đưa cháu chìa khóa, chú cho lấy chiếc xe”. Do không nghe ông A nói gì nên T lấy xe mô tô biển số 61X2-02xx của bà Q chạy về để ở đây nhà A2. Tiếp đó, T điều khiển xe mô tô biển số 34R1-11xx chạy vòng quanh thành phố M Bình Dương rồi điện thoại hỏi Giáp Thị Thùy T2 đang ở đâu thì T2 nói đang ở quán cà phê không dám trở về phòng trọ nên T chạy đến quán cà phê gặp T2 để nói chuyện rồi cả hai chạy về phòng trọ của T2. Tại đây, T bỏ lại túi xách da màu hồng đã lấy của bà Q trước đó rồi đi về. Đến khoảng 21 giờ ngày 10/8/2023, anh Trần Danh Q1 điện thoại kêu T đến cửa hàng H lấy điện thoại di động. T trả cho anh Quân số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) rồi lấy điện thoại di động của bà Phạm Thị Q ra về.

Khoảng 23 giờ ngày 10/8/2023, Tr quay trở lại căn hộ A tìm gặp bà Phạm Thị Q để nói chuyện việc bà Q ngoại tình với ông L; bà Q không thừa nhận nên cả hai tiếp tục cãi nhau lớn tiếng rồi bà Q nói: “Anh về đi mọi chuyện để Công an giải quyết”, T bỏ ra về. Bà Q lo sợ T tiếp tục đến quấy rối nên không ở lại căn hộ mà đi sang nhà bạn. Đến khoảng 02 giờ ngày 11/8/2023, T tiếp tục quay trở lại căn hộ A để tìm bà Q nhưng không gặp và do cửa không khóa nên T đã tự ý mở cửa đi vào trong rồi để xâu chìa khóa, điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 kèm theo tờ giấy có ghi dòng chữ “xe để ở A2 quán rau” trên bếp ga tại căn hộ của bà Q rồi bỏ đi.

Đến khoảng 04 giờ ngày 11/8/2023, Nguyễn Văn T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21, màu trắng đăng nhập vào trang mạng xã hội Z với tên người dùng là “Cherry P” (tài khoản Zalo của bà Phạm Thị Q) rồi gửi đến bạn bè của bà Q trên Z và gửi vào nhóm Z có tên “CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ Ở NXH H”, nhóm Z “Lớp lá 1” do bà Q tạo để kết nối với các phụ huynh của L1 lá 1 là nơi bà Q làm chủ nhiệm tại Trường Mầm non T3, địa chỉ tại phường P, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương kèm theo nội dung: “Phạm Thị Quế A6.3.23 chuyên gia lừa đảo và giết ck người khác và làm gái mại dâm và làm cô giáo mầm non nữa chứ” làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà Q; dẫn đến việc phụ huynh Lớp lá 1 yêu cầu đổi giáo viên, Hiệu trưởng Trường Mầm non T3 yêu cầu bà Q tạm thời nghỉ việc để chờ xác minh. Sau đó, T chuyển tất cả các hình ảnh và video trên sang điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng để lưu trữ rồi xóa hết tất cả các hình ảnh và video có liên quan đến bà Q trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21, màu trắng.

Đến khoảng 12 giờ ngày 11/8/2023, Giáp Thị Thùy T2 và Nguyễn Văn T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. T2 tự nguyện giao nộp lại số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã chiếm đoạt của bà Phạm Thị Q; Trường

T4 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 màu trắng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng.

Căn cứ các Bản kết luận định giá tài sản số 270/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2023 và số 124/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển số 61X2-02xx, trị giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); 01 (một) túi xách màu hồng, trị giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A13 màu đen, dung lượng 128GB, trị giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 121/2024/KLGD-TTPY ngày 28/02/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của bà Phạm Thị Q như sau:

- Các kết quả chính: Chấn thương đầu, ngực, say xát da vùng tay, chân đã lành; vết thương mu bàn tay phải kích thước (01 x 0,1) cm sọc lành;

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 01% (một phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích: Chấn thương đầu, ngực, say xát da vùng tay, chân đã lành hiện không thấy dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành thương tích; Vết thương mu bàn tay phải: Bờ sát gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 240/KL-KTHS ngày 12/01/2024 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã trích xuất các hình ảnh, các video nhạy cảm có liên quan đến bà Phạm Thị Q trong 01 (một) USB thu giữ tại hiện trường, trong 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S21 màu trắng và trong 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng thu giữ của Nguyễn Văn T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 277/2024/HS- ST ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Làm nhục người khác”; tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ các điểm a, e khoản 2 Điều 155; khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 168; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ và tạm giam từ ngày 11/8/2023 đến ngày 29/8/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Giáp Thị Thùy T2 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội “Làm nhục người khác”; 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 và 08 tháng 01 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo kêu oan.

Tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo; xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo; Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xét xử phúc thẩm; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo không kêu oan; bị cáo nhận tội, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là nộp tiền khắc phục hậu quả; do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có cơ sở xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về phần hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội được sớm trở về chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Do có nghi ngờ bà Phạm Thị Q có mối quan hệ tình cảm với ông Bùi Hữu L nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/8/2023, tại hành lang dãy nhà A6 thuộc khu nhà ở an sinh xã hội H - B, địa chỉ tại Khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn T và Giáp Thị Thùy T2 đã có hành vi dùng tay đánh, khống chế, dùng kéo cắt tóc và chửi bới lớn tiếng nhằm

mục đích xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà Phạm Thị Q; trong khi Nguyễn Văn T dùng tay đánh, không chế bị hại Q thì Giáp Thị Thùy T2 đã chiếm đoạt số tiền 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng; T có hành vi chiếm đoạt 01 (một) túi xách trị giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Ngoài ra, Nguyễn Văn T còn có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Vespa LX125, biển số 61X2-02xx, trị giá 8.000.000 (tám triệu) đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 A13, màu đen, trị giá 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng của bị hại Q.

Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt Nguyễn Văn T đã sử dụng điện thoại di động gửi các hình ảnh, video nhạy cảm của bà Q đến bạn bè của bị hại Q trên mạng xã hội Zalo và gửi vào các nhóm Z có tên “CỘNG ĐỒNG DÂN CU Ở NXH H”, nhóm Z có tên “Lớp lá 1” là nơi bị hại Q đang sinh sống và làm việc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của bà Phạm Thị Q. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo theo các tội “Làm nhục người khác”; tội “Trộm cắp tài sản”; tội “Cướp tài sản”; Giáp Thị Thùy T2 theo các tội “Làm nhục người khác”; tội “Cướp tài sản” là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản cũng như sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt; Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tội “Làm nhục người khác” tại Tòa án cấp sơ thẩm bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là thiếu sót; mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là nặng.

Đối với tội “Trộm cắp tài sản”; tội “Cướp tài sản”; tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo có đơn xin nộp tiền khắc phục hậu quả theo theo quyết định của bản án sơ thẩm và đã nộp tiền khắc phục hậu quả với số tiền 16.380.000 (mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng (theo biên lai số 0003912 ngày 27 tháng 3 năm 2025). Do đó áp dụng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T là có căn cứ xem xét chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 277/2024/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024, của Tòa án nhân dân thành phố Th, tỉnh Bình Dương, về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T, như sau;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Làm nhục người khác”; tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm nhục người khác”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/8/2023 đến ngày 29/8/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tiếp tục tạm giữ số tiền 16.380.000 (mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng do bị cáo Nguyễn Văn T nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương theo Biên lai thu tiền số 0003912 ngày 27 tháng 3 năm 2025 để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Th (03);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Th;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (01);
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú (01);
- Công an tỉnh Bình Dương
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, LNH, 15.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Văn Lộc